

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **131** /QĐ-SGTVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **18** tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân cấp quản lý hệ thống báo hiệu giao thông, kẻ bờ
trên các tuyến đường thủy nội địa - Năm 2021**

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến khu vực Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn đến năm 2020 và Công văn số 5548/UBND-ĐTMT ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hiệu đính chi tiết nội dung các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2009;

Theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định về phân cấp cho các sở và ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý, khai thác các tuyến sông kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-SGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải về ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Quản lý Đường thủy;

Xét đề nghị của Trung tâm Quản lý Đường thủy tại Văn bản số 212/TTQLĐT-HTKT ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc đề xuất phân cấp quản lý hệ thống báo hiệu giao thông, kẻ bờ trên các tuyến đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Đường thủy tại Tờ trình số 95/TTr-QLĐT ngày 09 tháng 02 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp quản lý quản lý hệ thống báo hiệu giao thông, kẻ bờ trên các tuyến đường thủy nội địa - Năm 2021 (theo danh mục đính kèm) cho Trung tâm Quản lý Đường thủy quản lý.

Điều 2. Trách nhiệm các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Trung tâm Quản lý đường thủy:

- Tổ chức quản lý, duy tu sửa chữa, nâng cấp hệ thống báo hiệu giao thông, kẻ bờ trên các tuyến đường thủy nội địa được phân cấp quản lý đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn theo đúng các quy định hiện hành của Nhà



nước (đối với những công trình còn trong thời gian bảo hành, các công việc liên quan đến công tác bảo hành do chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện cho đến hết thời gian bảo hành theo quy định).

- Đối với các công trình đang thực hiện dự án, yêu cầu phải thường xuyên thực hiện công tác tuần tra đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác bàn giao mặt bằng, luồng tuyến trước và sau khi thực hiện dự án theo các quy định hiện hành.

- Chịu trách nhiệm phối hợp với nhà thầu thi công theo dõi chặt chẽ chất lượng của công trình, khắc phục các khiếm khuyết (nếu có) cho đến hết thời gian bảo hành đối với các hạng mục công trình còn trong thời gian bảo hành.

- Đối với hệ thống báo hiệu giao thông, kê bờ được phân cấp bổ sung chỉ được đưa vào duy tu, bảo dưỡng sau khi hết thời gian bảo hành

- Kiểm tra, đánh giá, cập nhật phần mềm website đường thủy đầy đủ các số liệu cơ bản để làm cơ sở cho công tác quản lý và xây dựng kế hoạch quản lý, duy tu sửa chữa hàng năm.

- Hàng quý, báo cáo số liệu hệ thống báo hiệu giao thông, kê bờ trên các tuyến đường thủy nội địa cần điều chỉnh, bổ sung phân cấp quản lý về Sở Giao thông vận tải để xem xét và có quyết định phân cấp quản lý bổ sung.

2. Các Chủ đầu tư xây dựng công trình giao thông có trách nhiệm:

Sau khi đầu tư xây dựng công trình giao thông hoàn thành, các Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định để trình Sở Giao thông vận tải xem xét phân cấp bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định trước đây của Sở Giao thông vận tải.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở Giao thông vận tải, Trưởng phòng Quản lý Đường thủy, Trưởng phòng Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý Đường thủy, và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- GĐ, PGĐ.An;
- Lưu: VT, QLĐT, DU.



Trần Quang Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
BẢO HIỆU GIAO THÔNG, KÈ BẢO VỆ BỜ TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA PHÂN CẤP NĂM 2021
(Đính kèm theo Quyết định số ~~131~~ **131**/QĐ-SGTVT ngày ~~18~~ **18** tháng 02 năm 2021)

TT	Tên sông, kênh, rạch	Trên bờ						Dưới nước		Trên cầu				Kè		Lan can
		Bảo hiệu			Trụ đền	BH phụ	Đền	Phao	Đền	Bảo hiệu	BH phụ	Đền	Bảng tên cầu	Chiều dài (m)	Bề rộng vía hè (m2)	Chiều dài (m)
		Móng	Cột	Bảng												
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1	Kênh Xáng An Hạ	41	41	42	1	1	2	8	8	32	32	24	4			
2	Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	114	117	125	3	3	7	12	12	62	50	48	8			
3	Kênh Ngang số 2	14	14	21			1	2	2	16	16	12	2	800		
4	Kênh Ngang số 3	14	14	23				2	2	16	16	12	2	150		
5	Rạch Nước Lên	14	14	16	1	1	1			64	64	36	10			
6	Kênh Tàu Hủ – Lò Gốm	67	67	138						144	128	120	18	15021		11677
7	Rạch Xóm Cũi – Gò Nổi	62	62	67	2	2	4	8	10	44	28	36	6			
8	Rạch Lò Gốm – Ông Buông	27	27	48				4	4	44	12	36	16	188		188
9	Rạch Bà Tàng – Cầu Sập	26	26	34						32	32	24	6			
10	Sông Cần Giuộc	81	81	73	2	2	4	12	12	32	32	24	4	293		277
11	Rạch Bà Ty	7	7	5	1	1	1						4			
12	Rạch Bà Lớn – Rạch Chồm	8	8	12						12	12	12	2			
13	Rạch Bà Lào (Xà Tồn) – Rạch Ngang	12	12	12									4			
14	Tắc Bến Rô	18	18	25				8	8	32	32	24	4			

TT	Tên sông, kênh, rạch	Trên bờ						Dưới nước		Trên cầu				Kè		Lan can
		Báo hiệu			Trụ đèn	BH phụ	Đèn	Phao	Đèn	Báo hiệu	BH phụ	Đèn	Bảng tên cầu	Chiều dài (m)	Bề rộng vía hè (m2)	Chiều dài (m)
		Móng	Cột	Bảng												
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
	Đèn Đỏ đến Ngã 3 rạch Ông Nhiều)															
36	Sông Nhà Bè (Từ N3 S.Phú Xuân đến Ngã ba Đèn Đỏ)															
37	Kênh Ngang Số 1															
38	Sông Đồng Tranh 2	25	24	13	1	1	1	9	9							
39	Sông Thêu	35	34	20	1	1	1	12	12							
40	Sông Mũi Nai	20	20	12				11	11							
41	Sông Cát Lái – Sông Vàm Sát	42	42	25	1	1	1	27	27							
42	Sông Đồng Đình – Bãi Tiên	28	26	15	2	2	2									
43	Tắc Đồi Nợ	22	22	17												
44	Tắc Bức Mây	34	34	23												
45	Rạch Thiềng Liềng	43	41	33	2	2	4									
46	Rạch Tràm – Kênh Kê	29	30	21	1		1									
47	Rạch Cá Nhán	25	24	14	1	1	1									
48	Tắc Cà Dao	6	6	7												
49	Sông Lò Vôi	36	36	24												
50	Sông Dinh Bà 2	25	24	15	1	1	1	17	17							
51	Sông Hà Thanh – Đồng Hòa	48	47	38	1	1	1	4	4	16	16	12	2			
52	Rạch Long Vương	4	4	4												
53	Rạch Năm Mươi	21	20	22	1	1	3									
54	Sông Mùng Năm – Tắc Ấn Chè	42	41	30	1	1	1	25	25							
55	Sông Ông Tiên – Cá Gau	37	37	23	1	1	1	20	20							

TT	Tên sông, kênh, rạch	Trên bờ						Dưới nước		Trên cầu				Kè		Lan can
		Báo hiệu			Trụ đền	BH phụ	Đền	Phao	Đền	Báo hiệu	BH phụ	Đền	Bảng tên cầu	Chiều dài (m)	Bề rộng vía hè (m2)	Chiều dài (m)
		Móng	Cột	Bảng												
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
56	Tắc Lớn	4	4	6												
57	Sông Cá Nhám Lớn – Rạch Cá Nháp Lớn	28	28	18	2	1	2									
58	Rạch Ẩn Thít – Cái Đước – Rạch Dừa	4	4	6												
59	Rạch Mồng Gà – Tắc Móc Mu	32	31	27	1	1	1									
60	Rạch Đuôi Cá	30	30	25												
61	Tắc Ẩn Tét – Tắc Cầu Kho	24	24	18												
62	Tắc Cống	29	28	21	1	1	1									
63	Sông Dân Xây	34	34	34	2	2	2	15	15	16	16	12	2			
64	Sông Dinh Bà	25	24	15	1	1	3	11	11							
65	Sông Soài Rạp (Từ Cửa Biển đến N3 S.Vàm Sát)	2	2	2												
66	Sông Lòng Tàu (Từ Sông Ngã Bảy đến N3 Tắc Ông Nghĩa)	4	4	2												
67	Sông Ngã Bảy	2	2	2												
68	Sông Dừa – Tắc Định Cậu – Rạch Tắc Rôi	12	11	6	1	1	1									
69	Tắc Cua															
70	Tắc Ông Cu – Tắc Bài	5	5	3												
71	Sông Đồng Tranh 1	4	4	2												
72	Rạch Ông Lớn 2 – Sông Phước Kiếng – Mương Chuối	144	144	144	3	3	9	16	16	64	64	48	8	2069	3893	2011

TT	Tên sông, kênh, rạch	Trên bờ						Dưới nước		Trên cầu				Kè		Lan can
		Báo hiệu			Trụ đền	BH phụ	Đền	Phao	Đền	Báo hiệu	BH phụ	Đền	Bảng tên cầu	Chiều dài (m)	Bề rộng vía hè (m2)	Chiều dài (m)
		Móng	Cột	Bảng												
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
73	Rạch Tôm (nhánh Phú Xuân – Mương Chuối)	22	22	18	2	2	4							947	2530	955
74	Rạch Dơi – Sông Kinh (Sông Đồng Điền)	87	96	88	2	2	5	12	12	32	32	16	6	1095		1013
75	Rạch Giồng – Sông Kinh Lộ	58	58	57	3	3	7	4	4	12		12	2	167	219	148
76	Rạch Tôm (nhánh Phước Kiểng)	52	52	53	2	2	4	8	8	32	32	24	4	1568	715	1122
77	Rạch Bà Chiêm – Bà Chùa – Lấp Dầu	29	29	37	1	1	3	6	6	32	32	24	6			
78	Rạch Đình – Rạch Mương Lớn	17	17	19	1	1	1						2			
79	Rạch Rộp	18	18	20	1	1	1						4			
80	Tắc Mương Lớn	17	17	22			1						4	121	121	121
81	Kênh Cây Khô	8	8	12										1668	313	1668
82	Sông Cần Giuộc (Từ N3 Rạch Dơi đến N3 kênh Cây Khô)															
83	Sông Cần Giuộc (Từ Sông Soài Rạp đến N3 Rạch Dơi)															
84	Kênh Thầy Cai	59	59	71	1	1	2	12	12	32	32	24	6			
85	Kênh Quyết Thắng (Gia Bẹ)															
86	Kênh Đức Lập (Sông Bà Cả Bảy)															
87	Rạch Láng The – Bến Mương	42	42	47	1	1	1			48	48	32	12			
88	Kênh Địa Phận	12	12	12	1		1			16	16	12				
89	Rạch Tra	85	85	80	2	2	3	14	14	48	48	36	10			
90	Kênh An Hạ	74	74	75			1	16	16	16	16	12	8			

TT	Tên sông, kênh, rạch	Trên bờ						Dưới nước		Trên cầu				Kè		Lan can
		Báo hiệu			Trụ đèn	BH phụ	Đèn	Phao	Đèn	Báo hiệu	BH phụ	Đèn	Bảng tên cầu	Chiều dài (m)	Bề rộng vía hè (m2)	Chiều dài (m)
		Móng	Cột	Bảng												
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
	Ninh)															
108	Sông Sài Gòn (Từ Cầu Phú Mỹ đến Ngã 3 rạch Thị Nghè)	8	8	13				2	2					4074		1468
109	Tắc Sông Chà	48	50	55	2	2	4	4	4	12		12	2			
110	Tuyến nối tắt ĐBSCL – VTTVai: Đào mới 2,1km nối sông Soài Rạp – rạch Gốc Tre Nhỏ												2			
111	Rạch Lá – Tắc Tây Đen	65	67	61	3	2	6	4	4	28	28	24	4			
112	Sông Dinh Bà 1 – Lôi Giang	35	35	31	1	1	1	4	4	12	12		2			
113	Rạch Gốc Tre Nhỏ – Rạch Rào Lớn	2	2	1												
114	Tắc Ông Đại – Bà Dây – Ba Giồng	7	7	4												
115	Rạch Tân – Rạch Bông Giếng Lớn	11	11	8	2		2			16	16	12	6			
116	Rạch Đước – Rạch Sáu Quán – Rạch Lấp Dời	6	6	4												
117	Rạch Đôn	52	52	49	2	2	6	4	4	12	12	12	2			
118	Tắc Ông Nghĩa	28	26	37	2	2	4	4	4	12	12		2			
119	Kênh Bà Tổng	30	29	31	1	1	3	4	4	12	12		2			
120	Sông Vàm Sát	50	60	54	2	2	7	4	4	16	16	12	2			
121	Sông Lò Rèn	5	5	3	3	3	4									
122	Sông Nhà Bè (Từ Ngã ba sông Soài Rạp - Lòng Tàu đến N3 S.Phú Xuân)	7	7	6												

TT	Tên sông, kênh, rạch	Trên bờ						Dưới nước		Trên cầu				Kè		Lan can
		Bảo hiệu			Trụ đền	BH phụ	Đền	Phao	Đền	Bảo hiệu	BH phụ	Đền	Bảng tên cầu	Chiều dài (m)	Bề rộng vía hè (m2)	Chiều dài (m)
		Móng	Cột	Bảng												
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
123	Sông Soài Rạp [Từ N3 S.Vàm Sát đến Ngã ba sông Soài Rạp - sông Nhà Bè (Ngã 3 Bình Khánh)]	13	13	17												
124	Sông Lòng Tàu (Từ N3 Tắc Ông Nghĩa đến Ngã ba sông Soài Rạp - Lòng Tàu)	5	5	5												
*	Bảo hiệu thu hồi							8	10							
TỔNG CỘNG		3.352	3.387	3.492	96	87	200	434	440	1.862	1.636	1.370	392	64.672,18	16.246,44	54.781,60

